TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1689 /QĐ-HĐTSCH

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-ĐHLDXH ngày 13/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 01/8/2018 của Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 182 thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018 gồm:

- Chuyên ngành Quản trị nhân lực: 113 thí sinh (Danh sách chi tiết tại Phụ lục I đính kèm);
- Chuyên ngành Kế toán: 44 thí sinh (Danh sách chi tiết tại Phụ lục II đính kèm);
- Chuyên ngành Công tác xã hội: 25 thí sinh (Danh sách chi tiết tại Phụ lục III đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng khoa Sau đại học, Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018, trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG TSCH NĂM 2018
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HĐTSCH năm 2018;
- Website Trường;
- Lưu VT, HĐTSCH.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

Phụ lục I

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 1689 /QĐ-HĐTSCH ngày 02 / 8 /2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	Nguyễn Thị Khánh	An	Nữ	11/10/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
2	Hà Minh	Anh	Nữ	17/09/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
3	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19/12/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
4	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	09/10/1993	Hà Tĩnh		QTNL	C_Quy	Khá	2015
5	Phạm Quang	Anh	Nam	06/09/1992	Hà Nội		QTKD	VLVH	Trung bình	2017
6	Phạm Quế	Anh	Nam	13/01/1985	Quảng Ninh		Kinh tế nông nghiệp	VLVH	TB Khá	2010
7	Ngô Thị Minh	Chi	Nữ	25/11/1989	Hà Nội		Bảo hiểm	C_Quy	Khá	2011
8	Hoàng Việt	Cường	Nam	12/07/1993	Hà Nội		Khoa học	C_Quy	TB Khá	2016
9	Lê Hiếu	Cường	Nam	24/04/1982	Hải Phòng		QTKD	C_Quy	Trung bình	2006
10	Phạm Thị	Doan	Nữ	02/05/1984	Thái Bình		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2013
11	Bùi Thị Thùy	Dung	Nữ	01/02/1995	Hải Dương		QTNL	C_Quy	Khá	2017
12	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	10/11/1987	Hà Nội		Tiếng Anh KHKT&CN	C_Quy	Khá	2010
13	Nguyễn Tư	Duy	Nam	17/04/1990	Hòa Bình		QTNL	C_Quy	TB Khá	2013
14	Thân Đức	Duy	Nam	29/06/1995	Bắc Giang		QTNL	C_Quy	Giỏi	2017
15	Nguyễn Công	Định	Nam	30/09/1973	Hà Nội		Ngân hàng	C_Quy	Khá	1995
16	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	07/10/1996	Quảng Ninh		QTNL	C_Quy	Khá	2018
17	Nguyễn Sơn	Hà	Nam	15/08/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
18	Trần Thanh Ngân	Hà	Nữ	13/03/1996	Quảng Ninh		QTNL	C_Quy	Giỏi	2018
19	Nguyễn Văn	Hải	Nam	28/02/1991	Hải Phòng		QTKD	C_Quy	Khá	2016
20	Nguyễn Mỹ	Hạnh	Nữ	16/08/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
21	Đinh Thúy	Hằng	Nữ	20/04/1992	Hòa Bình	DTKV1	QTNL	C_Quy	TB Khá	2014
22	Đỗ Khánh	Hằng	Nữ	26/05/1990	Yên Bái		QTNL	L_Thông	Khá	2013
23	Hoàng Thị Vân	Hằng	Nữ	09/12/1989	Nam Định		Tiếng Anh thương mại	C_Quy	Khá	2011
24	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	03/01/1996	Yên Bái		QTNL	C_Quy	Khá	2018
25	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	21/06/1995	Tuyên Quang		QTNL	C_Quy	Giỏi	2017
26	Trần Minh	Hằng	Nữ	15/12/1991	Nghệ An		Thủy văn	C_Quy	Khá	2014
27	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	10/12/1972	Hà Nội		QTKD	VLVH	Khá	2004
28	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	20/09/1984	Sơn La		Kế toán	VLVH	Trung bình	2013
29	Đàm Ngọc	Hiếu	Nam	17/04/1981	Cao Bằng	CTKV1	Xã hội học	C_Quy	TB Khá	2005
30	Nguyễn Đình	Hoa	Nam	03/02/1969	Hà Nội		Kế toán TCDN	VLVH	Trung bình	1997
31	Phạm Thanh	Hoa	Nữ	02/07/1986	Hà Nội		QTNL	VLVH	TB Khá	2009
32	Lưu Thị	Huệ	Nữ	29/12/1988	Hải Dương		Kế toán	C_Quy	Giỏi	2009
33	Vũ Thị	Huệ	Nữ	05/04/1974	Lai Châu	CTKV1	Giáo dục tiểu học	VLVH	Giỏi	2009
34	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	09/11/1994	Hưng Yên		Bảo hiểm	C_Quy	TB Khá	2016
35	Trương Thị	Huyền	Nữ	22/08/1996	Hà Tĩnh		QTNL	C_Quy	Khá	2018
36	Đoàn Liên	Hương	Nữ	08/11/1974	Hà Nội		Quản lý kinh tế	VLVH	Trung bình	2006
37	Nguyễn Thị Kiều	Hương	Nữ	19/08/1987	Hà Nội		Thủy văn - Môi trường	C_Quy	Khá	2011
38	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	27/08/1988	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2010
39	Trần Diệu	Hương	Nữ	14/10/1980	Hà Nội		Luật kinh tế	C_Quy	Khá	2002
40	Lê Trần	Lâm	Nam	12/10/1977	Hà Nội		QTKD	VLVH	TB Khá	2007
41	Hoàng Phương	Linh	Nữ	19/12/1992	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2014
42	Ngô Nhật	Linh	Nữ	18/06/1994	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2016
43	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	27/03/1994	Tuyên Quang		CNKTMT	C_Quy	Khá	2016
44	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	29/08/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
45	Nông Thị	Linh	Nữ	14/07/1989	Cao Bằng	DTKV1	Sư phạm Lịch sử	C_Quy	Khá	2012
46	Phạm Diệu	Linh	Nữ	07/07/1993	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2016
47	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	30/07/1973	Hà Nội		Kế toán	VLVH	Trung bình	2000

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
48	Phùng Hải	Linh	Nữ	17/09/1995	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Giỏi	2017
49	Thân Thị Lan	Linh	Nữ	07/11/1987	Bắc Giang		QTNL	L_Thông	Giỏi	2010
50	Từ Hoàng	Linh	Nữ	20/10/1995	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2017
51	Nguyễn Đức	Long	Nam	08/10/1987	Hà Nội		QTKD	L_Thông	Khá	2010
52	Vũ Hương	Ly	Nữ	18/08/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Giỏi	2018
53	Vũ Thị	Ly	Nữ	08/10/1984	Hà Nội		Kế toán	Từ_xa	TB Khá	2012
54	Cát Kim Phương	Mai	Nữ	09/10/1987	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Giỏi	2009
55	Đoàn Thị Ngọc	Mai	Nữ	27/07/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
56	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	01/08/1982	Hà Nội		Quản lý xã hội	C_Quy	TB Khá	2005
57	Lê Thị Nhật	Mỹ	Nữ	19/07/1996	Lào Cai		QTNL	C_Quy	Khá	2018
58	Đặng	Nam	Nam	06/03/1994	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2016
59	Đinh Phương	Nam	Nam	18/08/1993	Hà Nội		Tài chính Ngân hàng	C_Quy	Giỏi	2015
60	Huỳnh Tuấn	Nam	Nam	04/01/1971	Hà Nội		Kế toán DN	VLVH	Trung bình	1999
61	Vi Quang	Nam	Nam	12/06/1982	Hà Nội		Xây dựng DD&CN	VLVH	TB Khá	2013
62	Nguyễn Thị	Nền	Nữ	10/08/1983	Bắc Giang		Việt Nam học	C_Quy	Khá	2006
63	Chu Thị	Ngân	Nữ	10/10/1985	Nghệ An		Tiếng Anh	VLVH	TB Khá	2010
64	Mai Thị Hoàng	Ngân	Nữ	19/01/1993	Nam Định		Tài chính Ngân hàng	C_Quy	Khá	2015
65	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	13/03/1985	Hà Nội		CNTT	VLVH	TB Khá	2009
66	Tống Thị	Ngân	Nữ	07/05/1985	Nam Định		QTNL	L_Thông	TB Khá	2009
67	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/10/1993	Bình Định		Bảo hiểm	VLVH	Khá	2016
68	Trịnh Hồng	Ngọc	Nữ	29/07/1994	Thái Bình		CTXH	C_Quy	Khá	2016
69	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	25/07/1982	Hà Nội		Điều dưỡng	VLVH	Khá	2015
70	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/11/1994	Hòa Bình		Quan hệ quốc tế	C_Quy	Khá	2016
71	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	22/12/1990	Hà Nội		QTKD	C_Quy	Khá	2012
72	Khúc Xuân	Ninh	Nam	01/12/1995	Bắc Ninh		QTNL	C_Quy	Khá	2017
73	Lê Ngọc	Ninh	Nam	03/05/1976	Ninh Bình		Kế toán	VLVH	TB Khá	2003
74	Chu Thị Tú	Oanh	Nữ	26/07/1995	Bắc Giang		QTNL	C_Quy	Khá	2018

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
75	Phạm Quang	Phát	Nam	01/08/1995	Nam Định		QTNL	C_Quy	Khá	2017
76	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	26/05/1994	Hà Nội		Kinh tế tài nguyên	C_Quy	Khá	2016
77	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	07/09/1987	Phú Thọ		Kế toán	VLVH	TB Khá	2012
78	Trí Thị	Phượng	Nữ	04/05/1987	Hà Nội		Bảo hiểm	C_Quy	Khá	2011
79	Trần Thị Kim	Quy	Nữ	05/01/1978	Hà Nội		Điều dưỡng	VLVH	Giỏi	2011
80	Ngô Quý	Quỳnh	Nam	07/10/1983	Bắc Giang		Kế toán	VLVH	TB Khá	2011
81	Vũ Đức	Tài	Nam	28/08/1982	Hà Nội		QTKD	C_Quy	Trung bình	2004
82	Ngô Nhật	Tân	Nam	09/11/1991	Hà Nam		Kế toán	C_Quy	Khá	2013
83	Hoàng Thị Hồng	Thanh	Nữ	19/03/1994	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2016
84	Trần Hồng	Thanh	Nữ	01/10/1986	Thái Bình		QTNL	L_Thông	Giỏi	2010
85	Trần Thị	Thanh	Nữ	20/12/1990	Phú Thọ		QTNL	C_Quy	Khá	2014
86	Lê Trung	Thành	Nam	13/10/1986	Lào Cai		QTNL	L_Thông	TB Khá	2013
87	Nguyễn Trung	Thành	Nam	23/02/1996	Hải Dương		QTNL	C_Quy	Khá	2018
88	Hồ Thị	Thảo	Nữ	29/01/1992	Nghệ An		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2014
89	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	07/09/1995	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Giỏi	2017
90	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/01/1986	Hà Nội		Khoa học máy tính	C_Quy	Khá	2009
91	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	24/10/1996	Hà Nội		QTNL	C_Quy	Khá	2018
92	Trần Nguyên	Thảo	Nữ	20/11/1994	Nam Định		Khoa học thư viện	C_Quy	Khá	2016
93	Chu Mạnh	Thắng	Nam	23/07/1987	Bắc Giang		Tài chính - Ngân hàng	VLVH	TB Khá	2013
94	Lâm Đức	Thiện	Nam	03/10/1993	Nam Định		Bảo hiểm	C_Quy	TB Khá	2015
95	Cấn Xuân	Thông	Nam	22/03/1984	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2010
96	Trần Vũ Minh	Thu	Nữ	06/10/1996	Hưng Yên		QTNL	C_Quy	Giỏi	2018
97	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	25/11/1979	Quảng Bình		Kế toán	VLVH	Trung bình	2004
98	Nguyễn Đăng	Thức	Nam	28/04/1974	Sơn La	DTKV1	QTNL	VLVH	TB Khá	2011
99	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	19/08/1991	Thanh Hóa		QTNL	C_Quy	Khá	2013
100	Lê Đức	Tiệp	Nam	29/05/1996	Quảng Ninh		QTNL	C_Quy	Khá	2018
101	Đào Thu	Trang	Nữ	19/07/1996	Ninh Bình		QTNL	C_Quy	Giỏi	2018

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
102	Lã Thùy	Trang	Nữ	30/03/1996	Lai Châu		QTNL	C_Quy	Khá	2018
103	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	10/04/1995	Vĩnh Phúc		QTNL	C_Quy	Khá	2017
104	Lê Thị Kiều	Trang	Nữ	06/04/1991	Phú Thọ		Quản lý đất đai	C_Quy	Khá	2013
105	Nguyễn Hoàng	Trang	Nữ	19/08/1986	Bắc Giang		QTNL	VLVH	Khá	2012
106	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	15/04/1993	Thái Bình		QTNL	C_Quy	Khá	2017
107	Hoàng Thanh	Tú	Nữ	06/10/1988	Hà Nội		Vận tải	C_Quy	Khá	2010
108	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	12/12/1996	Phú Thọ		QTNL	C_Quy	Giỏi	2018
109	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	03/07/1979	Hưng Yên		Hành chính học	VLVH	TB Khá	2012
110	Chu Thị Ánh	Tuyết	Nữ	05/03/1990	Lạng Sơn	DTKV1	QTNL	C_Quy	TB Khá	2012
111	Kiều Thị	Vang	Nữ	11/02/1985	Hà Nội		Kế toán	Từ_xa	TB Khá	2011
112	Bùi Tường	Vân	Nữ	03/12/1993	Hà Nội		Quản lý công	C_Quy	Khá	2015
113	Đặng Nhật Thiên	Xuân	Nữ	19/04/1993	Lạng Sơn	DTKV1	CTXH	VLVH	Khá	2016

Danh sách này có 113 thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TSCH NĂM 2018
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

Phụ lục II

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 1689 /QĐ-HĐTSCH ngày 22 / 8 /2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	Hoàng Thanh	Bình	Nữ	02/11/1990	Ninh Bình		Kế toán	C_Quy	Khá	2012
2	Hồng Bích	Diệp	Nữ	03/01/1979	Hà Nội		Kế toán	VLVH	Trung bình	2004
3	Đỗ Bá	Duy	Nam	20/03/1995	Yên Bái		Kế toán	C_Quy	Khá	2017
4	Giáp Anh	Đức	Nam	21/10/1974	Bắc Giang		Kế toán	VLVH	TB Khá	2012
5	Võ	Đức	Nam	22/02/1988	Vĩnh Phúc		Kế toán	VLVH	TB Khá	2015
6	Tạ Linh	Giang	Nữ	03/10/1992	Hà Nội		Kế toán	L_Thông	TB Khá	2017
7	Lưu Mỹ Hải	Hà	Nữ	19/03/1980	Hà Nội		Kế toán	Từ_xa	Khá	2016
8	Ngô Phương	Hà	Nữ	02/07/1992	Hà Nội		Kế toán	VLVH	TB Khá	2015
9	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	28/11/1996	Ninh Bình		Kế toán	C_Quy	Giỏi	2018
10	Phạm Thị Việt	Hà	Nữ	25/08/1996	Hải Phòng		Kế toán	C_Quy	Khá	2018
11	Lại Trung	Hải	Nam	06/08/1992	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2015
12	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	26/09/1989	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2011
13	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	16/08/1985	Hà Nam		Kế toán	L_Thông	TB Khá	2010
14	Chu Thị Thu	Hằng	Nữ	23/09/1989	Lạng Sơn	DTKV1	Kế toán	C_Quy	Khá	2012
15	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	12/05/1990	Hà Nội		Kế toán	VLVH	TB Khá	2016
16	Vũ Thị Thu	Hằng	Nữ	30/09/1974	Hà Nội		Kế toán	VLVH	TB Khá	1995
17	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	27/12/1996	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Giỏi	2018
18	Vũ Thu	Hoài	Nữ	14/08/1976	Bắc Ninh		Kế toán	VLVH	TB Khá	2005
19	Bùi Duy	Hoàng	Nam	23/04/1996	Lai Châu		Kế toán	C_Quy	Khá	2018
20	Lê Thu	Huyền	Nữ	23/07/1983	Hà Nội		Kế toán	VLVH	Khá	2008
21	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	25/05/1975	Hà Nội		Kế toán	Từ_xa	TB Khá	2009
22	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	06/03/1996	Sơn La		Kế toán	C_Quy	Khá	2018
23	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/07/1984	Hà Nội		Kế toán	L_Thông	Khá	2009

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
24	Đặng Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/11/1996	Thái Bình		Kế toán	C_Quy	Khá	2018
25	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	06/12/1988	Hà Nội		Kế toán	L_Thông	Khá	2011
26	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	22/12/1989	Hà Nội		Kế toán	VLVH	TB Khá	2017
27	Lê Diệu	Mỹ	Nữ	29/11/1996	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2018
28	Ngô Minh	Ngọc	Nữ	01/06/1990	Thái Nguyên		Tài chính-Ngân hàng	C_Quy	Khá	2012
29	Phan Minh	Nguyệt	Nữ	26/10/1984	Hà Nam		Kế toán	L_Thông	TB Khá	2009
30	Nguyễn Hải	Phương	Nữ	09/09/1988	Hà Nội		Kế toán	L_Thông	Khá	2011
31	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/09/1979	Hà Nội		Tài chính-Ngân hàng	VLVH	TB Khá	2007
32	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Nữ	07/08/1982	Hà Nội		Kế toán	VLVH	Trung bình	2007
33	Đỗ Thị	Thanh	Nữ	11/02/1983	Hà Nội		Kế toán	VLVH	TB Khá	2016
34	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	10/12/1987	Thanh Hóa		Kế toán	C_Quy	TB Khá	2009
35	Lê Văn	Thắng	Nam	16/06/1977	Nam Định		Tài chính kế toán	VLVH	Trung bình	2001
36	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	12/12/1987	Nghệ An		Kế toán	L_Thông	Trung bình	2012
37	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	01/09/1984	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2007
38	Dương Thị Thùy	Trang	Nữ	27/07/1987	Bắc Ninh		Kế toán	C_Quy	Khá	2011
39	Nguyễn Thi Thủy	Trang	Nữ	26/09/1977	Hà Nội		Kế toán	VLVH	Trung bình	2005
40	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/10/1983	Hải Dương		Kế toán	C_Quy	Khá	2008
41	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	26/06/1994	Hưng Yên		Tài chính-Ngân hàng	C_Quy	Giỏi	2016
42	Lê Thị Ngọc	Tú	Nữ	30/09/1995	Hà Nội		Tài chính-Ngân hàng	C_Quy	Khá	2017
43	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/04/1985	Hải Dương		Kế toán	VLVH	TB Khá	2010
44	Đỗ Thị	Xuân	Nữ	25/01/1989	Hà Nội		Kế toán	C_Quy	Khá	2014

Danh sách này có 44 thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TSCH NĂM 2018
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH CAO HỌC NĂM 2018

Phụ lục III

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 1689 /QĐ-HĐTSCH ngày 02 / 8 /2018 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2018)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	Nguyễn Trần Hà	An	Nữ	28/01/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Khá	2018
2	Đào Tuấn	Anh	Nam	11/07/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Giỏi	2018
3	Nguyễn Thị Hồng	Hà	Nữ	26/03/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Giỏi	2018
4	Đinh Thu	Hương	Nữ	12/08/1988	Hà Nội		CTXH	VLVH	Giỏi	2017
5	Lục Thị	Lan	Nữ	10/12/1981	Hà Nội		CTXH	VLVH	Giỏi	2017
6	Vũ Thị	Lan	Nữ	14/06/1985	Bắc Ninh		CTXH	L_Thông	Giỏi	2009
7	Đào Thị Hương	Liên	Nữ	23/10/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Trung bình	2018
8	Nguyễn Thị Thùy	Liên	Nữ	15/11/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Khá	2018
9	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/10/1988	Lai Châu	CTKV1	CTXH	C_Quy	TB Khá	2010
10	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	28/12/1985	Bắc Giang		CTXH	L_Thông	Giỏi	2009
11	Đặng Anh	Quỳnh	Nữ	01/11/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Trung bình	2018
12	Hoàng Thanh	Tâm	Nữ	06/01/1989	Lạng Sơn		CTXH	C_Quy	Khá	2011
13	Dương Xuân	Thành	Nam	09/12/1996	Ninh Bình		CTXH	C_Quy	Khá	2018
14	Hoàng Thị Hoài	Thu	Nữ	16/10/1986	Hà Tĩnh		CTXH	L_Thông	Khá	2010
15	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	27/08/1996	Bắc Ninh		CTXH	C_Quy	Giỏi	2018
16	Lê Thị	Thúy	Nữ	14/04/1989	Thanh Hóa		CTXH	C_Quy	TB Khá	2012
17	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	14/12/1992	Hà Nội		CTXH	VLVH	Giỏi	2017
18	Lê Thị	Tình	Nữ	17/10/1980	Lai Châu	CTKV1	CTXH	VLVH	Khá	2012
19	Lê Thu	Trang	Nữ	20/03/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Khá	2018

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
20	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03/12/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Giỏi	2018
21	Trần Huyền	Trang	Nữ	16/12/1993	Hưng Yên		CTXH	VLVH	Khá	2018
22	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	04/08/1991	Thái Bình		CTXH	C_Quy	Giỏi	2013
23	Lê Thị	Uyên	Nữ	16/10/1996	Ninh Bình		CTXH	C_Quy	Khá	2018
24	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	01/07/1996	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Giỏi	2018
25	Đoàn Quốc	Việt	Nam	25/07/1994	Hà Nội		CTXH	C_Quy	Khá	2017

Danh sách này có 25 thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TSCH NĂM 2018
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng